

Cải cách kinh tế của Ấn Độ: Thành tựu, vấn đề và những gợi mở cho Việt Nam

PHẠM THỊ TÚY*

Bài viết nhìn lại hơn 26 năm cải cách kinh tế của Ấn Độ để nhận diện rõ hơn những thành tựu đạt được, những vấn đề đặt ra. Từ đó đưa ra những gợi mở cho công cuộc cải cách, đổi mới ở những nền kinh tế khác, trong đó có công cuộc đổi mới của Việt Nam.

CẢI CÁCH KINH TẾ ẤN ĐỘ - TIẾN TRÌNH VÀ THÀNH TỰU

Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, tiếp đến là khủng hoảng nợ ở châu Âu, kinh tế thế giới lâm vào suy thoái, bất ổn, thì kinh tế Ấn Độ nổi lên như một “điểm sáng” và hiện được coi là nền kinh tế lớn có mức tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Có nhiều cách lý giải về những thành tựu này, song căn bản đồng nhất rằng đây là kết quả tổng hợp từ nỗ lực không chỉ của Chính phủ do Thủ tướng Narendra Modi đứng đầu, mà còn dựa trên nền tảng của quá trình công nghiệp hóa, cùng với cuộc cải cách tự do hóa kinh tế mạnh mẽ do cựu Thủ tướng Narasimha Rao phát động từ tháng 07/1991.

Cụ thể, công cuộc cải cách và tự do hóa kinh tế của Ấn Độ được tiến hành từ năm 1991, trong bối cảnh sự trì trệ của nền kinh tế cộng với tác động tiêu cực từ sự mất ổn định chính trị nội bộ và việc Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Thời điểm bấy giờ, nền kinh tế Ấn Độ rơi vào khủng hoảng trầm trọng, thậm chí trên bờ vực sụp đổ, tăng trưởng GDP năm 1991 của Ấn Độ sụt mạnh xuống còn 1,1%, nhiều ngành công nghiệp gặp khó khăn, thâm hụt kép, lạm phát tăng cao, nợ nước ngoài lên tới 70 tỷ USD, dự trữ ngoại tệ cho đến tháng 05/1991 chỉ còn khoảng hơn 1 tỷ USD, tình hình xã hội căng thẳng.

Trước thực trạng nền kinh tế lâm nguy, Chính phủ của Thủ tướng Narasimha Rao không có lựa chọn nào khác ngoài việc có một cuộc cải cách lớn và toàn diện, một cuộc “đại phẫu thuật” để mang lại sức sống cho nền kinh tế Ấn Độ trong bối cảnh nhiều nước đang đi theo xu thế tự do hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Ngay sau khi lên cầm quyền, Chính phủ mới của Thủ tướng Narasimha Rao đã tập trung cho những định hướng phát triển kinh tế hoàn toàn mới, toàn diện, mạnh mẽ và sâu rộng theo hướng tự do hóa và mở cửa, tập trung vào 4 trọng tâm là cải cách khu vực nhà nước, cải cách công nghiệp, tài chính - tiền tệ và ngoại thương.

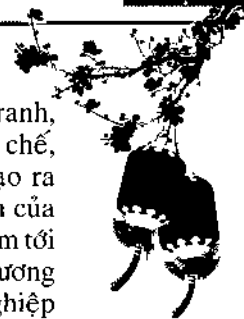
Ngoài ra, về đối ngoại, Ấn Độ cũng đề ra Chính sách hướng Đông nhằm tăng cường hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước, các trung tâm kinh tế lớn và các đối tác và bạn hàng truyền thống.

Với những chính sách cải cách tự do hóa một cách cơ bản và toàn diện, Ấn Độ đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, trì trệ để bước vào thời kỳ tăng trưởng tương đối nhanh và liên tục. Theo IMF, Ấn Độ là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Tốc độ tăng GDP đã được đẩy nhanh lên bình quân 5,5% trong giai đoạn 1991-2001, bình quân 7,5% trong giai đoạn 2002-2012. Trong năm tài khóa 2016-2017, tăng trưởng của Ấn Độ đạt 7,1%. Bên cạnh đó, trong năm 2017, GDP danh nghĩa của Ấn Độ đạt 2.454 tỷ USD, GDP thực tế là 9.489 tỷ USD (IMF, 2017), trở thành nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới.

Đồng thời, hiện nay, Ấn Độ đã trở thành một trong những cường quốc công nghiệp trên thế giới với tiềm lực mạnh về sản xuất và xuất khẩu phần mềm máy tính, năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, công nghệ nano, viễn thông, đóng tàu và hàng không. Nhờ cải cách và tự do hóa, hàng loạt tập đoàn kinh tế có tên tuổi, như: TATA, Reliance, Essar... đã ra đời, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời vươn ra nước ngoài bằng đầu tư trực tiếp hoặc sáp nhập các công ty đối tác.

Một điểm đáng chú ý nữa là sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ -

* PGS, TS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | Email: phamthituy@yahoo.com



động lực tăng trưởng chính giúp Ấn Độ vượt lên và sánh ngang với các nước phát triển. Trong năm tài khóa 2016-2017, ngành dịch vụ đóng góp 53,8% cho tổng giá trị gia tăng (GVA), tạo ra việc làm cho 28,6% dân số. Xuất khẩu ròng ngành dịch vụ đạt 67,5 tỷ USD và ngành này cũng thu hút 60,7% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ năm 2016-2017 (Ministry of Finance, 2017).

Như vậy, với việc điểm qua những thành tựu của kinh tế Ấn Độ sau hơn 26 năm đổi mới, có thể thấy cải cách kinh tế của Ấn Độ đã đạt được những kết quả khá toàn diện, trong đó thành tựu lớn nhất của công cuộc cải cách từ năm 1991 đến nay là đưa Ấn Độ thoát khỏi cuộc khủng hoảng; điều chỉnh một cách vững chắc nền kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, mở ra triển vọng phát triển tiềm năng trong tương lai và với nhiều ý kiến nhận định rằng, Ấn Độ đang được xem là “địa điểm đầu tư lý tưởng” trong thời gian tới.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Bên cạnh những thành tựu đáng kể mà công cuộc cải cách mang lại, thì nền kinh tế Ấn Độ cũng phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức trước mắt cũng như lâu dài, đặc biệt là những vấn đề mang tính cơ cấu, đòi hỏi Chính phủ phải cải cách mạnh mẽ hơn nữa. Những khó khăn, thách thức đó có thể nhìn nhận trên một số phương diện như:

Thứ nhất, ít nhiều Ấn Độ cũng bị tác động bởi suy thoái của kinh tế toàn cầu

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, Ấn Độ không thể không bị tác động dẫn đến giá cả nguyên liệu và nhu cầu từ thị trường toàn cầu tiếp tục giảm. Điều đó cũng khiến sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn, sản xuất công nghiệp tăng trưởng ở mức thấp và xuất khẩu liên tục giảm 17 tháng liên tiếp tính đến đầu năm 2017. Ngoài ra, giá dầu đang dần phục hồi khiến cho “thời kỳ trăng mật” của lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai của Ấn Độ sẽ sớm qua đi. Đồng Rupee đang tăng trong giai đoạn mất giá lâu nhất kể từ năm 2007. Đầu tư tư nhân và nhu cầu trong nước vẫn hạn chế. Lợi nhuận của nhiều tập đoàn lớn đang suy giảm... (Vĩnh Khánh, 2016).

Thứ hai, khu vực quốc doanh vẫn còn lớn và hoạt động kém hiệu quả

Cải cách khu vực quốc doanh vẫn là một trong những khâu yếu kém nhất trong quá trình cải cách ở Ấn Độ. Tuy các

doanh nghiệp công đã cải thiện năng lực cạnh tranh, nhưng sự độc lập, tự chủ của khối này vẫn bị hạn chế, làm giảm năng lực của giới quản lý trong việc tạo ra những cải cách cơ cấu cần thiết. Hơn nữa, cổ phần của Chính phủ vẫn rất cao (trong nhiều trường hợp chiếm tới 90%), kể cả trong các doanh nghiệp hoạt động thương mại, làm cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp công rất khó cải thiện.

Thứ ba, tái cơ cấu và tạo việc làm chưa thực sự thành công

Kết quả “mở cửa” đã rõ, nhưng “tái cơ cấu” và tạo việc làm dường như chưa thành công, nhất là với tỷ trọng ngành sản xuất chế tạo gần như giữ nguyên sau hơn 26 năm (chỉ trên 16% nếu theo cách tính GDP mới), nên không tạo ra nhiều việc làm mới và khiến nước này khó đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng GDP trên 8% như mong muốn.

Mặt khác, tỷ trọng lao động giản đơn (phi chính thức) trong lực lượng lao động còn lớn, năng suất và sức cạnh tranh còn thấp, chưa kể sự tham gia của lao động nữ còn hạn chế. Khu vực nông nghiệp là nguồn thu nhập trực tiếp hoặc gián tiếp của khoảng 2/3 dân số song vẫn trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp và thường xuyên chịu tác động của thời tiết thất thường... Trong khi đó, một số ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển cao lại không phải là ngành tạo nhiều việc làm nên tỷ lệ thất nghiệp nói chung vẫn cao.

Thứ tư, dân số đông và tăng nhanh đang tạo áp lực lớn cho xã hội trên nhiều phương diện

Ấn Độ đang phải đối mặt với một áp lực xã hội lớn do dân số đông và tăng nhanh, trong đó trên 1/3 dân số vẫn còn sống trong nghèo đói và khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Hiện quốc gia này chiếm tới 40% người nghèo của cả thế giới và có số người nhiễm HIV lớn thứ hai toàn cầu. Tại các thành phố, vấn đề dân cư quá tải, thiếu điện, nước, ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông vẫn thường xuyên xảy ra. Sự phát triển không đều giữa các bang, mâu thuẫn tôn giáo, đẳng cấp còn tồn tại cùng một số hủ tục, tâm lý thói quen ăn sâu trong dân chúng vẫn là những lực cản không nhỏ đối với sự phát triển của Ấn Độ.

Thứ năm, tham nhũng đang là một trở ngại lớn đối với công cuộc cải cách

Tham nhũng không phải điều lạ lẫm tại Ấn Độ. Vấn nạn tham nhũng được thấy rõ nhất là trong cuộc sống hàng ngày của người dân nước này, với những yêu cầu hối lộ dường như vô tận để đảm bảo mọi thứ được hoạt động tốt từ việc liên lạc điện thoại tới những tờ giấy khai sinh hay giấy nhập học.

Theo một khảo sát của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, 69% người Ấn Độ được hỏi cho rằng nước này nhận hối lộ, theo sau là Việt Nam (65%) (Tanvi Gupta, 2017). Tham nhũng mang tính hệ thống đã tấn công vào tận gốc rễ trong quỹ đạo phát triển của Ấn Độ; vì vậy đã hạn chế khả năng nhận thức tiềm năng của Ấn Độ.

Bên cạnh những vấn đề nêu trên, công cuộc cải cách kinh tế của Ấn Độ cũng đang tồn tại những hạn chế khác, như: vẫn còn tồn tại những nghi ngờ về khả

“ Nhận lời mời của Thủ tướng nước Cộng hòa Ấn Độ Narendra Modi, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Phụ nhân tham dự Hội nghị Cấp cao kỷ niệm ASEAN - Ấn Độ và Lễ kỷ niệm 69 năm Ngày Cộng hòa Ấn Độ từ ngày 24-26/01/2018 tại Thủ đô New Delhi. Chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh đặc biệt khi hai nước vừa kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 10 năm quan hệ Đối tác Chiến lược vào năm 2017, phản ánh sự phát triển sâu rộng, tin cậy và hiệu quả của quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Ấn Độ hiện là một trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch thương mại năm 2017 ước đạt khoảng 7,5 tỷ USD (tăng mạnh 37,7% so với 2016). Những năm qua, quan hệ kinh tế, chính trị, quốc phòng... của hai nước không ngừng được củng cố, phát triển vững chắc. **”**

năng triển khai cam kết và các chương trình, sáng kiến trên thực tế, nhiều dự án bế tắc/chậm tiến độ, quá trình thông qua các dự luật cải cách kinh tế vẫn khó khăn. Một số cam kết, như: thu hồi tiền đen, vấn đề việc làm, cải cách trong lĩnh vực tài chính ngân hàng để nhanh chóng giải quyết vấn đề nợ xấu hiện ở mức báo động và đảm bảo hoạt động lành mạnh, hiệu quả của các ngân hàng... chưa được cải thiện nhiều.

NHỮNG GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Nhìn tổng thể, có thể nói cải cách kinh tế của Ấn Độ từ năm 1991 cũng như công cuộc đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 thực chất là sự chuyển đổi từ nền kinh tế nhà nước chỉ huy do ảnh hưởng của mô hình Liên Xô sang nền kinh tế thị trường tự do. Quá trình cải cách ở Ấn Độ cũng học phát nhiều vấn đề của một nền kinh tế chuyển đổi, đó là: sự phân hóa trong xã hội gia tăng, tính tùy thuộc ngày càng tăng của một thế giới đã gắn kết chặt chẽ... Tuy nhiên, đến nay Ấn Độ đã và đang thu hái được những thành tựu lớn trên tất cả các lĩnh vực và theo dự báo, trong tương lai gần, Ấn Độ sẽ cùng với Trung Quốc và Mỹ trở thành 3 cường quốc kinh tế hàng đầu và là một trong 6 “Trung tâm quyền lực” của thế giới. Thực tế đó cho thấy, những cải cách mà Ấn Độ tiến hành là đúng hướng, đáng để học tập.

Trên cơ sở xem xét sự phát triển của Ấn Độ trong hành trình cải cách kinh tế của quốc gia này từ 1991 đến nay, có thể rút ra những gợi mở cho con đường phát triển của Việt Nam, như sau:

Một là, phát triển phải gắn liền với cải cách và cải cách phải toàn diện

Theo lẽ thường, để phát triển luôn cần có những điều chỉnh và thay đổi cần thiết hoặc đột phá, theo đó phát triển không thể tách rời cải cách và cải cách cần mang tính toàn diện nhằm phát huy hiệu quả cho các trọng tâm đặt ra và Ấn Độ đã làm tốt nguyên lý này.

Trong lịch sử Ấn Độ, cuộc cải cách ở Ấn Độ từ năm 1991 đến nay được coi là cuộc cải cách sâu rộng, toàn diện và mạnh mẽ nhất. Tính sâu rộng và toàn diện được thể hiện ở các lĩnh vực cải cách. Cải cách Ấn Độ không chỉ tiến hành trên lĩnh vực kinh tế mà tiến hành cả trên

lĩnh vực hành chính và đang phát triển sang lĩnh vực xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, cải cách diễn ra không chỉ trong công nghiệp, mà cả trong nông nghiệp, ngoại thương, tài chính - ngân sách, tiền tệ - ngân hàng, đầu tư nước ngoài và chính sách đối ngoại. Trong lĩnh vực hành chính, Chính phủ Ấn Độ không chỉ cải cách bộ máy, thủ tục hành chính mà còn quan tâm tới các đơn vị hành chính, chất lượng cán bộ hành chính và tính dân chủ của nền hành chính. Như vậy, cuộc cải cách đã được triển khai toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

Trên thực tế, sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam cũng đã chú trọng cải cách toàn diện. Thời gian tới, song song với đổi mới kinh tế, Chính phủ cần tiếp tục từng bước đổi mới về chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, đối ngoại... nhằm củng cố và phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc, tận dụng thời cơ quốc tế, để mở ra con đường phát triển mới cho đất nước.

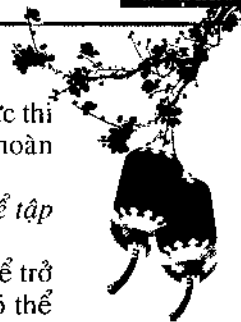
Hai là, cải cách dựa trên cơ sở phát huy nội lực

Khác với cải cách của một số quốc gia đi trước, cũng chú trọng tới tự do hóa và mở cửa nền kinh tế, song nếu các quốc gia khác trong đó có cả Việt Nam có thiên hướng nhiều hơn đến thực hiện công cuộc cải cách dựa vào tận dụng ngoại lực hoặc coi ngoại lực là quan trọng, thì cải cách của Ấn Độ để cao việc phát huy nội lực và lấy thị trường nội địa làm trọng tâm cho phát triển. Cụ thể, Ấn Độ dựa vào thị trường trong nước của mình nhiều hơn là xuất khẩu, tiêu dùng nhiều hơn là đầu tư và dịch vụ nhiều hơn công nghiệp, công nghệ cao nhiều hơn sản xuất công nghiệp kỹ năng thấp. Chính phủ Việt Nam cần tham khảo điều này để tận dụng và thúc đẩy hơn nữa thị trường nội địa.

Ba là, phát triển kinh tế tư nhân

Trong tiến trình cải cách, Ấn Độ đã dành những quan tâm cơ bản đối với các doanh nghiệp tư nhân. Đặc biệt, từ năm 2001 đến nay, bằng các biện pháp cải cách theo hướng tự do hóa, khu vực kinh tế tư nhân đang ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Ấn Độ.

Sự quan tâm này đã đem đến cho công cuộc cải cách của Ấn Độ những thành công đáng ghi nhận. Ấn Độ hiện có hơn 50 triệu doanh nghiệp nhỏ và vừa, đóng góp 45% vào ngành sản xuất, 40% cho xuất khẩu và tạo việc làm cho khoảng 60 triệu người dân Ấn Độ (Bank of India, 2017). Và hiện nay, Ấn Độ đang có những thay đổi lớn về chính sách



công nghiệp quân sự, theo đó Chính phủ nước này coi trọng tư nhân với những đóng góp của khu vực này cho công nghiệp quân sự. Cụ thể, các công trình, các sản phẩm quốc phòng của Ấn Độ có sự tham gia của khối tư nhân Ấn Độ (các doanh nghiệp lớn) đều thành công, như: tên lửa chiến lược, tàu ngầm hạt nhân Arihant, tên lửa phòng không Akash và máy phóng rocket đa nòng Pinaka. Sở dĩ khu vực tư nhân ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong tiến trình cải cách của Ấn Độ, bởi bản thân các chủ thể của khu vực này đã trở thành động lực một cách tự giác đối với nền kinh tế, các doanh nghiệp của Ấn Độ tỏ ra rất năng động và nhạy bén. Ngay từ khi Chính phủ chưa nổi lỏng kiểm soát, các doanh nghiệp Ấn Độ đã chủ động tìm ra được mô hình kinh doanh mới, phù hợp như Reliance, Goenka, Khaitan hoặc phát triển thành những “đế chế” như Tata và Birla. Và khi kiểm soát được nổi lỏng, chính sách mở cửa thông thoáng đã thu hút nhiều tập đoàn lớn tới “khai phá” mảnh đất tiềm năng này.

Từ phân tích trên cho thấy, thành công trong cải cách của Ấn Độ không thể thiếu vắng khu vực tư nhân và nó cũng là động lực quan trọng thúc đẩy công cuộc cải cách. Ở Việt Nam, Đại hội XII đã quan niệm kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Thời gian tới cần chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân thông qua bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập các cơ hội kinh doanh và khởi nghiệp; thiết

lập khuôn khổ pháp luật, chính sách và bộ máy thực thi nhằm bảo đảm các loại thị trường liên tục được hoàn thiện; bảo đảm sự minh bạch và có hiệu quả...

Bốn là, xác định rõ những lĩnh vực trọng tâm để tập trung nguồn lực

Ấn Độ đã lựa chọn những lĩnh vực mà không thể trở thành thế mạnh hay phổ biến mà mọi quốc gia có thể thực hiện được, song nó lại cần thiết cho sự vận hành của toàn thế giới trong điều kiện phát triển hiện đại, đó là: công nghệ thông tin, viễn thông và công nghiệp vũ trụ. Chính vì vậy, ngay từ những năm 1990 của thế kỷ XX, đi cùng với chủ trương tự do hoá và mở cửa kinh tế, Chính phủ Ấn Độ đã có những đầu tư chiến lược để đạt được mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành một siêu cường về công nghệ thông tin của thế giới.

Trọng gần 3 thập niên, ngành công nghệ thông tin của Ấn Độ được coi là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn có tác dụng rất lớn trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó ngành viễn thông đang trên đà tăng trưởng chóng mặt. Điều đó chứng tỏ từ khi cải cách đến nay, ngành công nghệ thông tin và viễn thông đã đạt được những thành tựu đáng tự hào trong nền kinh tế Ấn Độ và việc lựa chọn những ngành kinh tế này là trọng tâm cải cách là một thành công đáng ghi nhận của Ấn Độ. Từ thành công và đóng góp cao của những ngành kinh tế mũi nhọn này sẽ cho phép Ấn Độ những điều kiện cần thiết để cải cách hiệu quả những lĩnh vực, bộ phận khác của nền kinh tế.

Nhìn lại Việt Nam, trong thời gian qua, các chính sách phát triển công nghiệp còn mang tính dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm trong việc thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Đặc biệt không xây dựng được cơ chế đặc thù trong phát triển các ngành công nghiệp này để tạo đột phá trong tăng trưởng. Do nguồn lực quốc gia có hạn, nên thời gian tới, cần thiết phải lựa chọn ngành công nghiệp ưu tiên, như: cơ khí, luyện kim, hay chế biến nông sản... để đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Lý (2002). *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hoà Ấn Độ từ năm 1991-2000*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
2. Vĩnh Khánh (2016). *Ấn Độ - ngôi sao sáng trong nền kinh tế thế giới*, truy cập từ <http://baoquocte.vn/an-do-ngoi-sao-sang-trong-nen-kinh-te-the-gioi-34839.html>
3. Arvind Panagariya (2008). *India: The Emerging Giant*, Oxford University Press
4. Bank of India (2017). *SME Policy*, access to <https://www.bankofindia.co.in/English/sme policy.aspx>
5. IMF (2017). *Report for Selected Countries and Subjects*, access to <https://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2017/01/weodata/weorept.aspx?pr.x=31&pr.y=13&sy=2016&ey=2020&scsm=1&ssd=1&sort=country&ds=.&br=1&c=534&s=NGDPD%2CNGDPDPC%2CPCPPGDP%2CPCPPGDP&grp=0&a>
6. Ministry of Finance (2017). *Economic survey 2016-17*, Vol 2, access to http://www.indiabudget.gov.in/es2016-17/echapter_vol2.pdf
7. Tanvi Gupta (2017). *69% Indians Have To Pay Bribes, Highest Rate In Asia-Pacific Region*, access to <https://www.forbes.com/sites/tanvigupta/2017/03/13/asias-five-most-corrupt-countries/3275d0c66a98>